



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

Kính gửi: Ban Lãnh đạo
Ngân hàng TNHH MTV CIMB Việt Nam

Báo cáo tài chính tóm tắt đính kèm, bao gồm bảng cân đối kế toán tóm tắt tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tóm tắt và báo cáo lưu chuyển tiền tệ tóm tắt cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được trích từ báo cáo tài chính (đầy đủ) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ngân hàng TNHH MTV CIMB Việt Nam ("Ngân hàng") được kiểm toán. Chúng tôi đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính (đầy đủ) này trong báo cáo kiểm toán ngày 28 tháng 3 năm 2022.

Báo cáo tài chính tóm tắt không bao gồm tất cả các thuyết minh cần phải công bố theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Do đó, việc đọc báo cáo tài chính tóm tắt không thể thay thế cho việc đọc báo cáo tài chính (đầy đủ) của Ngân hàng.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo Ngân hàng

Ban Lãnh đạo Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tài chính tóm tắt theo các nguyên tắc về lập và trình bày báo cáo tài chính tóm tắt được chấp nhận chung tại Việt Nam.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tóm tắt dựa trên các thủ tục mà chúng tôi đã thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 810 – *Dịch vụ báo cáo về báo cáo tài chính tóm tắt*.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tóm tắt được trích từ báo cáo tài chính (đầy đủ) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ngân hàng TNHH MTV CIMB Việt Nam đã được kiểm toán đã phản ánh nhất quán, trên các khía cạnh trọng yếu, với báo cáo tài chính (đầy đủ) đã được kiểm toán, phù hợp với các nguyên tắc về lập và trình bày báo cáo tài chính tóm tắt được chấp nhận chung tại Việt Nam.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 21-02-00098-22-2



Wang Toon Kim

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0557-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2022

Lê Nhật Vương

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 3849-2022-007-1

Ngân hàng TNHH MTV CIMB Việt Nam
Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone, 16 Phan Chu Trinh
Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

		31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
A	TÀI SẢN		
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	35.696.202.045	24.365.035.618
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	93.162.144.827	143.291.413.960
III	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác	3.257.403.696.354	3.832.878.800.070
1	Tiền gửi tại các TCTD khác	3.257.403.696.354	3.602.878.800.070
2	Cho vay các TCTD khác	-	230.000.000.000
V	Các công cụ tài chính phái sinh	-	917.875.496
IV	Cho vay khách hàng	1.077.598.649.518	1.978.247.793.523
1	Cho vay khách hàng	1.096.281.666.202	2.003.295.638.300
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(18.683.016.684)	(25.047.844.777)
VIII	Chứng khoán đầu tư	202.452.874.388	116.885.845.309
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	202.452.874.388	116.885.845.309
X	Tài sản cố định	183.155.402.212	189.885.197.071
1	Tài sản cố định hữu hình	22.454.675.955	33.421.294.747
a	Nguyên giá	75.062.881.035	73.725.516.455
b	Giá trị hao mòn lũy kế	(52.608.205.080)	(40.304.221.708)
2	Tài sản cố định cho thuê tài chính	-	134.819.976
a	Nguyên giá	763.238.218	763.238.218
b	Giá trị hao mòn lũy kế	(763.238.218)	(628.418.242)
3	Tài sản cố định vô hình	160.700.726.257	156.329.082.348
a	Nguyên giá	259.733.774.007	219.403.770.340
b	Giá trị hao mòn lũy kế	(99.033.047.750)	(63.074.687.992)
XI	Tài sản Có khác	129.740.360.403	84.462.713.738
1	Các khoản phải thu	18.742.202.401	10.536.472.477
2	Các khoản lãi, phí phải thu	14.737.173.944	11.760.606.267
3	Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	63.255.108.543	38.020.145.125
4	Tài sản Có khác	33.005.875.515	24.145.489.869
TỔNG TÀI SẢN		4.979.209.329.747	6.370.934.674.785

Ngân hàng TNHH MTV CIMB Việt Nam
Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone, 16 Phan Chu Trinh
Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

		31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		
	NỢ PHẢI TRẢ		
II	Tiền gửi và vay các TCTD khác	236.710.000.000	1.052.567.407.216
1	Tiền gửi của các TCTD khác	236.710.000.000	1.052.567.407.216
III	Tiền gửi của khách hàng	1.469.328.425.633	2.067.339.987.680
VII	Các khoản nợ khác	94.022.286.056	92.945.477.967
1	Các khoản lãi, phí phải trả	9.434.340.934	24.530.100.179
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	84.587.945.122	68.415.377.788
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	1.800.060.711.689	3.212.852.872.863
	VỐN CHỦ SỞ HỮU		
VIII	Vốn và các quỹ	3.179.148.618.058	3.158.081.801.922
1	Vốn điều lệ	3.698.200.000.000	3.467.200.000.000
2	Các quỹ của tổ chức tín dụng	212.873.572	212.873.572
5	Lỗ lũy kế	(519.264.255.514)	(309.331.071.650)
	TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	3.179.148.618.058	3.158.081.801.922
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	4.979.209.329.747	6.370.934.674.785

Ngân hàng TNHH MTV CIMB Việt Nam
Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone, 16 Phan Chu Trinh
Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

		2021 VND	2020 VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	103.173.837.091	182.820.300.606
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(36.658.606.181)	(70.307.485.169)
I	Thu nhập lãi thuần	66.515.230.910	112.512.815.437
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	12.233.129.141	3.990.368.720
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	(14.483.706.831)	(7.835.679.716)
II	Lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	(2.250.577.690)	(3.845.310.996)
III	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	12.714.352.571	9.525.526.609
5	Thu nhập từ hoạt động khác	831.494.052	68.326.690
6	Chi phí hoạt động khác	(1.538.773.543)	(1.351.976.412)
VI	Lỗ thuần từ hoạt động khác	(707.279.491)	(1.283.649.722)
VIII	Chi phí hoạt động	(305.589.638.343)	(297.450.847.917)
IX	Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(229.317.912.043)	(180.541.466.589)
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(5.850.235.239)	(13.209.051.373)
XI	Lỗ trước thuế	(235.168.147.282)	(193.750.517.962)
8	Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	25.234.963.418	7.185.105.263
XII	Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp	25.234.963.418	7.185.105.263
XIII	Lỗ sau thuế	(209.933.183.864)	(186.565.412.699)

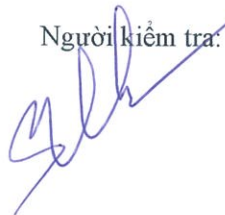
Ngày 28 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Lê Thị Thu Hương
Chuyên viên Tài chính

Người kiểm tra:



Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Hà Ý Nhi
Giám đốc Tài chính

Ngân hàng TNHH MTV CIMB Việt Nam
Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone, 16 Phan Chu Trinh
Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(phương pháp trực tiếp)

		2021 VND	2020 VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	99.768.949.764	186.896.828.401
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(51.754.365.426)	(52.342.897.033)
03	Thu nhập cho hoạt động dịch vụ đã trả	832.626.856	(3.845.310.996)
04	Chênh lệch số tiền thực thu/(chi) từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và chứng khoán	12.714.352.571	9.525.526.609
05	Chi phí khác đã trả	(1.424.094.722)	(1.351.243.751)
06	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	716.815.231	67.594.029
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý	(199.376.229.101)	(236.629.876.207)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động	(138.521.944.827)	(97.679.378.948)
	Những thay đổi về tài sản hoạt động	1.028.991.678.880	(214.784.418.461)
09	(Tăng)/giảm các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác	230.000.000.000	(184.000.000.000)
10	(Tăng)/giảm các khoản chứng khoán kinh doanh	(85.567.029.079)	(56.110.850.277)
11	Tăng các công cụ tài chính phái sinh	917.875.496	(917.875.496)
12	Tăng các khoản cho vay khách hàng	907.013.972.098	28.256.680.037
13	Sử dụng dự phòng để bù đắp các khoản tổn thất	(12.215.063.332)	(4.376.717.075)
14	(Tăng)/giảm về tài sản hoạt động khác	(11.158.076.303)	2.364.344.350
	Những thay đổi về nợ hoạt động	(1.461.102.462.645)	1.416.649.517.340
16	Tăng/(giảm) tiền gửi, tiền vay các TCTD khác	(815.857.407.216)	870.533.513.668
17	Tăng/(giảm) tiền gửi của khách hàng	(598.011.562.047)	589.646.340.981
21	Giảm khác về nợ hoạt động	(47.233.493.382)	(43.530.337.309)
I	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	(570.632.728.592)	1.104.185.719.931

Ngân hàng TNHH MTV CIMB Việt Nam
Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone, 16 Phan Chu Trinh
Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(phương pháp trực tiếp - tiếp theo)

	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
01 Mua sắm tài sản cố định	(44.676.846.600)	(48.606.873.941)
02 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	245.961.706	-
03 Tiền chi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	(209.592.936)	(199.211.577)
II LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	(44.640.477.830)	(48.806.085.518)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
01 Tăng vốn góp	231.000.000.000	264.000.000.000
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	231.000.000.000	264.000.000.000
IV LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	(384.273.206.422)	1.319.379.634.413
V TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	3.770.535.249.648	2.451.155.615.235
VII TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	3.386.262.043.226	3.770.535.249.648

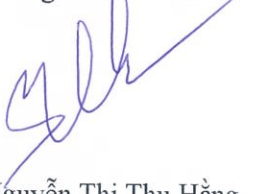
Ngày 28 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Lê Thị Thu Hương
Chuyên viên Tài chính

Người kiểm tra:



Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Hà Ý Nhi
Giám đốc Tài chính

